UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 90 /TB-SGDĐT

Bắc Giang, ngày 16 tháng 6 năm 2025

ĐIỂM CHUẨN VÀ SỐ LƯỢNG TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026

- Căn cứ chỉ tiêu, Kế hoạch tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2025-2026 đã được phê duyệt;
- Căn cứ kết quả điểm thi tuyển sinh lớp 10 THPT ngày 03,04/6/2025. Sở GDĐT công bố điểm chuẩn và số lượng tuyển sinh lớp 10 THPT.
- Các trường nhận Danh sách trúng tuyên từ 08 giờ 00 phút ngày 17/6/2025; Thông báo cho thí sinh, tô chức cho thí sinh nhập học từ ngày 01 đến ngày 05/7/2025 và gửi báo cáo kết quả nhập học (Phụ lục XIV kèm theo Công văn 466/SGDĐT-KTKĐCLGD ngày 26/3/2025) về Sở theo địa chỉ tuyensinh@bacgiang.edu.vn trước 11 giờ 00 phút ngày 06/7/2025; sau ngày 05/7/2025 thí sinh không có hồ sơ nhập học tại trường trúng tuyển thì được hiểu thí sinh không có nguyện vọng học tập tại trường này..

STT	Trường	Kế hoạch tuyển	Tổng tuyển	Chia ra					Ghi chú
				Tuyển thẳng	Điểm chuẩn NV1	Tuyển NV 1	Điểm chuẩn NV2	Tuyển NV 2	
1	THPT Bố Hạ	450	449	6	17,325	443			
2	THPT Cầm Lý	450	450	3	14,100	439	17,225	8	
3	THPT Chu Văn An	675	675	14	19,750	661			
4	THPT Giáp Hải	450	449	4	19,700	400	21,725	45	
5	THPT Hiệp Hoà số 1	540	539	5	20.500	534			
6	THPT Hiệp Hoà số 2	630	628	4	19,675	624			
7	THPT Hiệp Hoà số 3	495	496	4	19,275	492			
8	THPT Hiệp Hoà số 4	450	452	1	18,800	451			
9	THPT Lạng Giang số 1	630	630	10	19,900	620			
10	THPT Lạng Giang số 2	630	630	4	18,050	626			
11	THPT Lạng Giang số 3	495	493		17,875	493			
12	THPT Lục Nam	630	630	39	19,725	591			
13	THPT Lục Ngan	540	540	6	15,000	530	17,350	4	
14	THPT Lương Thế Vinh	450	450	7	8,650	420	11,450	23	
15	THPT Lý Thường Kiệt	405	404	6	19,250	396	21,450	2	
16	THPT Mỏ Trạng	225	225	25	16.400	200			
17	THPT Ngô Sĩ Liên	540	540	11	23,825	529			
18	THPT Nhã Nam	360	360	5	17,375	353	19.425	2	
19	THPT Phương Sơn	450	449	10	18,825	438	21.800	1	
20	THPT Phượng Sơn	540	541	4	15,050	484	18,400	53	
21	THPT Sơn Động số 1	405	406	17	14,250	388	21,300	1	
22	THPT Sơn Động số 2	315	315	6	13,475	308	18,900	1	
23	THPT Sơn Động số 3	180	180	12	14,350	168			
24	THPT Tân Yên số 1	585	585	11	19,925	574			
25	THPT Tân Yên số 2	585	584	7	17,975	577	22,325		
26	THPT Thái Thuận	495	496	5	21,825	491			
27	THPT Tứ Sơn	450	450	28	14,625	390	16,750	32	
28	THPT Việt Yên số 1	540	540	4	22,350	536			
29	THPT Việt Yên số 2	540	541		18,250	539	20,725	2	
30	THPT Yên Dũng số 1	540	540		16,925	536	19,275	4	
31	THPT Yên Dũng số 2	540	540	4	19,550	534	21,750	2	
32	THPT Yên Dũng số 3	450	450	4	17,600	445	23,000	1	
33	THPT Yên Thế	450	450	38	17,325	411	21,525	1	
34	THPT Quang Trung	90	13	1		7		5	
35	THPT Hiệp Hoà số 5	450	257			58		199	
36	THPT Đồi Ngô	270	206	1		56		149	

STT	Trường	Kế hoạch tuyển	Tổng tuyển	Chia ra					Ghi chú
				Tuyển thẳng	Điểm chuẩn NV1	Tuyển NV 1	Điểm chuẩn NV2	Tuyển NV 2	
37	THPT Thanh Lâm	270	210	2		90		118	
38	THPT Thân Nhân Trung	495	495		11,900	447	21,475	48	
39	TH, THCS, THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm	495	406			256		150	
40	THPT Hoàng Hoa Thám	540	329			170		159	
41	THPT Lê Hồng Phong	450	352	1		105		246	
42	THPT Nguyên Hồng	450	450	1	12,175	298	19,125	151	
43	TH, THCS và THPT FPT	180	42			1		41	
44	TH, THCS và THPT ICOSCHOOL	200	78			40		38	
45	TH, THCS và THPT Maple Leaf Academy	165	124			46		78	
46	THPT Hiệp Hoà số 6	450	456			158		298	
47	GDTX-NN, TH tỉnh Bắc Giang	270	126			61		65	
48	GDNN-GDTX TP.Bắc Giang	405	351			155		196	
49	GDNN-GDTX H.Hiệp Hoà	765	496	1		138		357	
50	GDNN-GDTX H.Lạng Giang	540	540	1	8,000	296	14,500	243	
51	GDNN-GDTX H.Lục Nam	495	325	1		66		258	
52	GDNN-GDTX H.Sơn Động	360	287			74		213	
53	GDNN-GDTX H.Tân Yên	540	515			243		272	
54	GDNN-GDTX TX.Việt Yên	540	435	2		236		197	
55	GDNN-GDTX thị xã Chũ	585	585		8,500	419	10,000	166	
56	CĐ Công nghệ Việt - Hàn	1200	1103	1		552		550	
57	CĐ Kỹ thuật-Công nghiệp	1200	891	3		566		322	
58	CĐ miền núi Bắc Giang	900	752	4		316		432	
59	TC Văn hóa, Thể thao và Du lịch		43			20		23	

Nơi nhận:
- Các đơn vị có tên trong trong danh sách;
- Lưu VT, KTKĐCLGD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH BẮC GIANG

Bạch Đăng Khoa